

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 09-01-2025

V/v “Tranh chấp về hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Hoàng Lam

+ Ông Dương Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2024/TLST-DS15/10/2024 về “Tranh chấp về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-DS ngày 03/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Xuân Q, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị L (N), sinh năm 1987. (Vắng mặt)

2. Ông Võ Công T, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Xuân Q trình bày:

Năm 2021, bà có mở 4 dây hụi và làm chủ thảo với mục đích tương trợ lẫn nhau, phát triển kinh tế hộ gia đình. Bà Nguyễn Thị L (N) là hụi viên có tham gia 5 phần hụi gồm 3 phần hụi 1 triệu và 2 phần hụi tuần, đã hốt hụi và không đóng lại hụi chết cho bà với số tiền 52.000.000 đồng. Nên bà khởi kiện

yêu cầu bà L cùng chồng là ông Võ Công T liên đới trả 52.000.000 đồng tiền hội và tiền lãi tạm tính là 6.200.000 đồng. Cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội tháng 1.000.000 đồng (DÂY 1), bắt đầu khai ngày 05/5/2021, gồm 26 phần, bà Nguyễn Thị L tham gia 1 phần, tên trong danh sách hội là Chị Ngọc C. Bà L đã hốt hội ở kỳ 4 (ngày 05/8/2021), bà đã giao đủ số tiền hội, sau đó bà L đóng hội đầy đủ đến kỳ 11. Từ kỳ 12 đến kỳ 26 (ngày 10/6/2023 mãn hội), bà L chỉ đóng được 4.000.000 đồng. Số tiền bà đã choàng hội cho bà L là 11.000.000 đồng. Số tiền tính lãi từ 01/7/2023 tạm tính đến 01/7/2024 là 1.100.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Hội tháng 1.000.000 đồng (DÂY 2), bắt đầu khai ngày 05/5/2021, gồm 26 phần, bà Nguyễn Thị L tham gia 1 phần, tên trong danh sách hội là Chị Ngọc C. Bà L đã hốt hội ở kỳ 1 (ngày 05/5/2021), bà đã giao đủ số tiền hội, sau đó bà L đóng hội đầy đủ đến kỳ 11. Từ kỳ 12 đến kỳ 26 (ngày 10/6/2023 mãn hội), bà L không đóng hội cho bà. Số tiền bà đã choàng hội cho bà L là 15.000.000 đồng. Số tiền tính lãi từ 01/7/2023 tạm tính đến 01/7/2024 là 1.500.000 đồng.

Dây hội thứ ba: Hội tháng 1.000.000 đồng (DÂY 3), bắt đầu khai ngày 05/5/2021, gồm 26 phần, bà Nguyễn Thị L tham gia 1 phần, tên trong danh sách hội là Chị Ngọc C. Bà L đã hốt hội ở kỳ 2 (ngày 05/6/2021), bà đã giao đủ số tiền hội, sau đó bà L đóng hội đầy đủ đến kỳ 11. Từ kỳ 12 đến kỳ 26 (ngày 10/06/2023 mãn hội), bà L không đóng hội cho bà. Số tiền bà đã choàng hội cho bà L là 15.000.000 đồng. Số tiền tính lãi từ 01/7/2023 tạm tính đến 01/7/2024 là 1.500.000 đồng.

Dây hội thứ tư: Hội tuần 500.000 đồng (07 ngày khai 01 lần), bắt đầu khai ngày 03/12/2021, gồm 35 phần. Bà Nguyễn Thị L tham gia 2 phần hội, tên trong danh sách hội là Chị N. Bà L đã hốt hội ở kỳ 1 (ngày 03/12/2021) và kỳ 3 (ngày 17/12/2021), bà đã giao đủ số tiền hội. Sau đó bà L đóng hội đầy đủ đến kỳ 24. Từ kỳ 25 đến kỳ 35 (ngày 30/7/2022) mãn hội, bà L không thực hiện đóng hội. Số tiền bà đã choàng hội là 11.000.000 đồng. Số tiền tính lãi từ 01/8/2022 tạm tính đến 01/7/2024 là 2.100.000 đồng

Tại phiên tòa, bà Trương Thị Xuân Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L cùng chồng là ông Võ Công T trả cho bà số tiền hội là 52.000.000 đồng và tiền lãi tính với mức lãi suất 0,83%/tháng (03 dây hội tháng tính lãi từ ngày 09/7/2023, dây hội tuần tính từ ngày 09/8/2022).

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà Nguyễn Thị L và ông Võ Công T không thể hiện ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ hội số tiền 52.000.000 đồng: Bà L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà nên đề nghị căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Q cung cấp để xem xét giải quyết vụ án. Bà Q trình bày vào năm 2021 bà Q có mở 4 dây góp vốn xoay vòng hội do bà làm thảo hội. Bà L (N) là hội viên tham gia 5 phần hội (gồm 3 phần hội 1.000.000 đồng và 02 phần hội tuần). Cụ thể như sau: Đối với dây hội tháng 1.000.000 đồng (dây 1), bắt đầu khai ngày 05/5/2021, gồm 26 phần, tháng khai 01 lần, bà L tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội là “Chị Ngọc C”. Bà L là người hốt hội ở kỳ thứ 4 (ngày 05/8/2021), bà Q đã giao đủ tiền và đúng thời gian. Bà L đóng hội đầy đủ đến kỳ 11. Từ kỳ 12 đến kỳ 26 (10/6/2023) mãn hội, bà L chỉ góp được 4.000.000 đồng. Bà Q đã choàng hội cho bà L là 11.000.000 đồng. Đối với dây hội tháng 1.000.000 đồng (dây 2), bắt đầu khai ngày 05/5/2021, gồm 26 phần, tháng khai 01 lần, bà L tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội là “Chị Ngọc C”. Bà L là người hốt hội ở kỳ thứ 1 (ngày 05/5/2021), bà Q đã giao đủ tiền và đúng thời gian. Bà L đóng hội đầy đủ đến kỳ 11. Từ kỳ 12 đến kỳ 26 (10/6/2023) mãn hội, bà L không thực hiện đóng hội chết. Bà Q đã choàng hội cho bà L là 15.000.000 đồng. Đối với dây hội tháng 1.000.000 đồng (dây 3), bắt đầu khai ngày 05/5/2021, gồm 26 phần, tháng khai 01 lần, bà L tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội là “Chị Ngọc C”. Bà L là người hốt hội ở kỳ thứ 2 (ngày 05/6/2021), bà Q đã giao đủ tiền và đúng thời gian. Bà L đóng hội đầy đủ đến kỳ 11. Từ kỳ 12 đến kỳ 26 (10/6/2023) mãn hội, bà L không thực hiện đóng hội chết. Bà Q đã choàng hội cho bà L là 15.000.000 đồng. Đối với dây hội tuần 500.000 đồng, bắt đầu khai ngày 03/12/2021, gồm 35 phần, tuần khai 01 lần, bà L tham gia 02 phần, tên trong danh sách hội là “Chị N”. Bà L là người hốt hội ở kỳ thứ 1 (ngày 03/12/2021) và kỳ 3 (ngày 17/12/2021), bà Q đã giao đủ tiền và đúng thời gian. Bà L đóng hội đầy đủ đến kỳ 24. Từ kỳ 25 đến kỳ 35 (30/7/2022) mãn hội, bà L không thực hiện đóng hội chết. Bà Q đã choàng hội cho bà L là 11.000.000 đồng. Tại các giấy biên nhận tiền hội ngày 11/5/2021, ngày 11/6/2024, ngày 11/8/2021, ngày 05/12/2021 và ngày 19/12/2021 và các danh sách tham gia hội do bà Q lập thể hiện bà L đã ký nhận tiền hốt hội do bà Q giao đối với các phần hội tháng, tuần mà bà L tham gia. Tại giấy xác nhận của UBND xã K do bà Q cung cấp thể hiện bà Nguyễn Thị L tên thường gọi là N. Từ những căn cứ trên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Về yêu cầu tiền lãi chậm trả: Bà L đã vi phạm nghĩa vụ góp hội nên bà Q yêu cầu trả lãi là có căn cứ.

Về yêu cầu nghĩa vụ liên đới của ông Võ Công T: Bà L, ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2017. Thời gian bà L tham gia hội vào năm 2021 đến nay thì giữa bà L và ông T là vợ chồng hợp pháp, ông T trình bày

không biết việc bà L tham gia hội là không có căn cứ. Do đó cần buộc ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả nợ.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phùng đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Xuân Q về tranh chấp hợp đồng góp hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hội, bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Võ Công T có nơi cư trú tại ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Võ Công T được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Nguyễn Thị L và ông Võ Công T không thể hiện ý kiến nên căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết. Bị đơn bà Nguyễn Thị L có tên gọi khác là N có sự xác nhận của chính quyền địa phương.

[3.2] Theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện khi làm chủ thảo bà Trương Thị Xuân Q có lập danh sách hội, trong 04 dây hội (03 dây hội tháng, 01 dây hội tuần) có tranh chấp bà Nguyễn Thị L đều tham gia và tên trong danh sách là N. Bà Q cung cấp được 05 giấy biên nhận tiền hội thể hiện bà Q đã giao tiền hội mà bà L đã bỏ thăm hốt được. Từ đó thể hiện bà L có tham gia 04 dây hội và đã hốt hội như bà Q trình bày. Bà L chưa thực hiện đóng hội chết cho bà Q đầy đủ sau khi hốt hội với số tiền 52.000.000 đồng nên bà L đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên tham gia hội nên yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả tiền hội 52.000.000 đồng cho bà Q là có căn cứ.

[3.3] Về tiền lãi: Bà Q yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng (03 dây hội tháng tính lãi từ ngày 09/7/2023, dây hội tuần tính từ ngày 09/8/2022). Xét, bà L đã vi phạm nghĩa vụ đóng hội sau khi hốt hội, bà Q đã choàng hội cho bà L nên bà Q yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với Điều 357 Bộ luật Dân sự. Các tính lãi như sau:

- Dây hội thứ nhất: $11.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 18 \text{ tháng} (09/7/2023-09/01/2025) = 1.643.400 \text{ đồng}$.

- Dây hội thứ hai: $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 18 \text{ tháng} (09/7/2023-$

09/01/2025) = 2.241.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: 15.000.000 đồng x 0,83% x 18 tháng (09/7/2023-09/01/2025) = 2.241.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: 11.000.000 đồng x 0,83% x 29 tháng (09/8/2022-09/01/2025) = 2.647.700 đồng.

Tổng tiền lãi là 8.773.000 đồng (làm tròn).

[3.4] Về yêu cầu ông Võ Công T liên đới trả nợ: Xét thấy, bà Nguyễn Thị L và ông Võ Công T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 19/5/2017 tại UBND xã K, việc tham gia hụi xảy ra thời gian dài, ông T không có ý kiến và không có chứng cứ thể hiện bà L hốt hụi để sử dụng vào việc cá nhân nên ông T phải có nghĩa vụ liên đới với bà L trả số tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà Q là phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.5] Từ những lập luận trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Q, lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Tổng số tiền bà L và ông T có nghĩa vụ trả cho bà Q là 60.773.000 đồng (52.000.000 đồng tiền hụi và 8.773.000 đồng tiền lãi).

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Công T phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho bà Trương Thị Xuân Q (60.773.000đồng x 5% = 3.039.000 đồng). Bà Trương Thị Xuân Q được chấp nhận yêu cầu nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Xuân Q về việc tranh chấp về hụi với bà Nguyễn Thị L và ông Võ Công T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Võ Công T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Xuân Q số tiền 60.773.000 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Võ Công T liên đới chịu 3.039.000 đồng (ba triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

4.2. H lại cho bà Trương Thị Xuân Q 1.455.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 15/10/2024 theo biên lai thu số 0002096.

Báo cho đương sự có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The